TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2024
V/v tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Thanh Tú**
Các hội thẩm nhân dân:
1- Ông **Nguyễn Văn Vân**;
2- Bà **Trần Thị Ngoan.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Mỹ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Khổng Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ X, ấp X, xã X, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Th**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ X, ấp X, xã X, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Bà L và ông Th chung sống với nhau từ khoảng năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Th thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, vợ

chồng dần không có tiếng nói chung, sống ly thân từ giữa năm 2023 đến nay không hàn gắn được. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Th.

Về con chung: Có 03 người gồm Trần Thị Kim L, sinh ngày 14/7/2002, Trần Thanh L, sinh ngày 30/11/2008 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 26/11/2011, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu L, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung là Trần Thị Kim L đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên bà L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Trần Văn Thanh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn bà Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn ông Trần Văn Thanh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông Th là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị L đối với ông Trần Văn Th; giao 02 con chung tên Trần Thanh L, sinh ngày 30/11/2008 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 26/11/2011 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ghi nhận bà L không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con; riêng con chung Trần Thị Kim L, sinh ngày 14/7/2002 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung và nợ chung bà L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Nguyên đơn bà Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn Th đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Bà L và ông Th chung sống với nhau có thực hiện việc đăng ký kết hôn năm 2002, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Bà L trình bày từ năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do ông Th không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, bà L khuyên can nhiều lần nhưng ông Th không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2023 đến nay không tự hàn gắn được. Bà L từng nộp đơn xin ly hôn nhưng đã rút đơn lại để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ theo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 59/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, sau đó mâu thuẫn vợ chồng vẫn chưa khắc phục nên bà L tiếp tục nộp đơn xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Th luôn vắng mặt không rõ lý do, điều này thể hiện ông Th không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó, yêu cầu được ly hôn bà L là có căn cứ chấp nhận.

[3] **Về con chung**: Bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thanh Luận, sinh ngày 30/11/2008 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 26/11/2011, cả hai cháu L và L đều có nguyện vọng sống với mẹ nên giao bà L quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Trần Thị Kim L, sinh ngày 14/7/2002 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] **Về án phí:** Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với ông Trần Văn Th:

Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Trần Văn Th.

2. Về con chung: Giao bà Phạm Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Trần Thanh L, sinh ngày 30/11/2008 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 26/11/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Riêng con chung Trần Thị Kim L, sinh ngày 14/7/2002 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009314 ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận bà L đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà L, ông Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Mai Thanh Tú